

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP.HCM
ĐC: 240 TRẦN BÌNH TRỌNG, PHƯỜNG 4, QUẬN 5, TP.HCM
Tel: 08 38302225 - 08 38355329
Fax: 08 38353171- 08 38302225

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2011

Mẫu số: Q- 01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18,190,361,155	19,157,017,344
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,659,938,568	141,524,337
1. Tiền	111	5	1,624,938,568	141,524,337
2. Các khoản tương đương tiền	112		9,035,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5,010,139,840	5,176,262,144
1. Phải thu khách hàng	131	24	4,747,905,163	5,034,482,341
2. Trả trước cho người bán	132	6	201,585,000	85,140,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	6	60,649,677	56,639,803
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2,515,496,747	13,831,575,863
1. Hàng tồn kho	141	7	2,515,496,747	13,831,575,863
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,786,000	7,655,000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	4,786,000	7,655,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9,292,370,518	10,780,815,748
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,530,925,213	5,747,287,855
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3,471,520,986	4,841,883,628
- Nguyên giá	222	9	22,888,976,787	22,888,976,787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	9	(19,417,455,801)	(18,047,093,159)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1,059,404,227	905,404,227
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,761,445,305	5,033,527,893
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4,761,445,305	5,033,527,893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27,482,731,673	29,937,833,092

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12,302,290,410	14,950,058,233
I. Nợ ngắn hạn	310		12,249,288,510	14,920,591,673
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		10,675,652,949	13,895,852,637
3. Người mua trả tiền trước	313		6,200,000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	12	240,728,498	107,825,919
5. Phải trả người lao động	315		258,684,574	-
6. Chi phí phải trả	316		200,544,710	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	865,667,938	889,573,576
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,809,841	27,339,541
II. Nợ dài hạn	330	4	53,001,900	29,466,560
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4	53,001,900	29,466,560
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15,180,441,263	14,987,774,859
I. Vốn chủ sở hữu	410		15,180,441,263	14,987,774,859
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	12,869,840,000	12,869,840,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	14	1,462,373,784	1,462,373,784
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	14	76,950,378	76,950,378
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	14	771,277,101	578,610,697
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27,482,731,673	29,937,833,092
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Dương Quốc Thy

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP.HCM

ĐC: 240 TRẦN BÌNH TRỌNG, P4, Q 5, TP.HCM

Tel: 08 38302225 - 08 38355329

Fax: 08 38353171- 08 38302225

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2011

Mẫu số : Q- 02d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	TM	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 /2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	10,355,379,961	4,982,366,084	34,930,110,416	30,141,618,001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	10,355,379,961	4,982,366,084	34,930,110,416	30,141,618,001
4. Giá vốn hàng bán	11	16	9,810,798,548	4,312,132,004	31,524,881,649	26,142,797,056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		544,581,413	670,234,080	3,405,228,767	3,998,820,945
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	304,573,410	5,971,797	506,756,853	27,891,291
7. Chi phí tài chính	22		-	-	0	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		32,041,894	37,521,960	149,654,582	195,291,691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		814,139,897	521,516,672	2,738,188,911	2,428,739,397
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		2,973,032	117,167,245	1,024,142,127	1,402,681,148
11. Thu nhập khác	31	19	39,801,092	2,560,000	39,801,092	57,105,455
12. Chi phí khác	32	20		14,100,000	28,200,000	49,534,169
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		39,801,092	(11,540,000)	11,601,092	7,571,286
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	21	42,774,124	105,627,245	1,035,743,219	1,410,252,434
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	(68,942,323)	10,394,572	205,666,315	188,149,737
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	21	111,716,447	95,232,674	830,076,904	1,222,102,697
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	22	87	74	645	950

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Dương Quốc Thy

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP.HCM
 ĐC: 240 TRẦN BÌNH TRỌNG, PHƯỜNG 4, QUẬN 5, TP.HCM
 Tel: 08 38302225 - 08 38355329
 Fax: 08 38353171- 08 38302225

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2011

Mẫu số: Q- 03d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 (2011)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 (2010)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		38,267,705,767	30,669,051,845
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(18,025,668,128)	(23,280,200,936)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5,262,464,020)	(5,266,540,136)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(11,725,239)	(383,303,062)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			179,165,389
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4,898,181,325)	(985,428,914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10,069,667,055	932,744,186
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(788,291,819)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			60,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		448,747,176	27,891,291
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		448,747,176	(700,400,528)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1,286,984,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(1,286,984,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		10,518,414,231	(1,054,640,342)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		141,524,337	1,196,164,679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		10,659,938,568	141,524,337

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Dương Quốc Thy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 10 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 26.100.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2011 là: 12.869.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn Nhà nước

(Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam) là 31%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38353171
- Fax: (84) 08.38352027

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản

Thời gian khấu hao năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 6

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động cho khoảng thời gian làm việc tại Công ty trước ngày 30/09/2011. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.9 Quỹ Tiền lương

Quỹ lương được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương đã thông qua Đại hội đồng cổ đông duyệt: 3,5 đến 4 đồng tiền lương/1 đồng lợi nhuận. Tổng quỹ lương tối thiểu 5 tỷ.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộ Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Hoạt động in sách Giáo khoa, in các tài liệu khác và bán giấy phế liệu áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộ theo quy định hiện hành.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Tiền mặt	132.353.607	111.159.262
Tiền gửi ngân hàng	1.492.584.961	30.365.075
Cộng	<u>1.624.38.568</u>	<u>141.524.337</u>
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	9.035.000.000	

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Phải thu khác	60.649.677	56.639.803
- Phải thu thuế thu nhập cá nhân		8.032.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Phải thu khác	60.649.677	48.607.584
Cộng	<u>60.649.677</u>	<u>56.639.803</u>
7. Hàng tồn kho	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010 (VNĐ)</u>
Nguyên liệu, vật liệu	438.879.290	8.744.223.319
Thành phẩm tồn kho	137.709.027	1.324.895.748
Chi phí SX-KD dở dang	1.938.908.430	3.762.456.796
- Chi phí dở dang của hoạt động SX-KD	103.883.735	2.199.514.689
- Chi phí dở dang của hoạt động LD	1.835.024.695	1.562.942.107
Cộng	<u>2.515.496.747</u>	<u>13.831.575.863</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

ĐVT:VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	P. tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, d.cụ Qly	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	1.842.146.821	20.903.552.635	13.600.000	129.677.331	22.888.976.787
Mua sắm trong kỳ					
Giảm trong kỳ					
Số cuối kỳ	1.842.146.821	20.903.552.635	13.600.000	129.677.331	22.888.976.787
Khấu hao					
Số đầu kỳ	1.266.100.861	16.653.434.280	13.600.000	113.958.018	18.047.093.159
Khấu hao trong kỳ	43.766.121	1.321.342.354		5.254.167	1.370.362.642
Gảm trong kỳ					
Số cuối kỳ	1.309.866.982	17.974.776.634	13.600.000	119.212.185	19.417.455.801
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	576.045.960	4.250.118.355	0	15.719.313	4.841.883.628
Số cuối kỳ	532.279.839	2.928.776.001		10.465.146	3.471.520.986

- Nguyên giá TSCĐ cuối quý 4 năm 2011 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.392.650.076 đồng
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đồng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Nhà máy in sách giáo khoa tại KCN Cát Lái, Quận 2 Tp.HCM	1.059.404.227	905.404.227
10. Chi phí trả trước dài hạn	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái	4.761.445.305	5.033.527.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quận 2 Tp.HCM

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Thuế giá trị gia tăng	38.740.576	100.190.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.575.997	7.634.921
Thuế thu nhập cá nhân	411.925	
Cộng	<u>240.728.498</u>	<u>107.825.919</u>
12. Chi phí phải trả	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Nhập nguyên liệu chưa có hoá đơn tài chính	200.544.710	
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Kinh phí công đoàn	25.597.075	15.597.075
Phải nộp BHXH, Y tế	9.953.386	40.596.508
Phải nộp BHTN		3.262.516
Phải trả người lao động	258.684.574	
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp.HCM	830.117.477	830.117.477
Chi phí phải trả	200.544.710	
Cộng	<u>1.324.897.222</u>	<u>889.573.576</u>
14. Vốn chủ sở hữu		
a. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.989.700.000	3.989.700.000
Vốn góp của Cổ đông khác	8.880.140.000	8.880.140.000
Cộng	<u>12.869.840.000</u>	<u>12.869.840.000</u>
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.869.840.000	12.869.840.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.462.373.784	1.462.373.784
Quỹ dự phòng tài chính	76.950.378	76.950.378
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	771.277.101	578.610.697
Cộng	<u>15.180.441.263</u>	<u>14.987.774.859</u>
c. Cổ phiếu	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu thường	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000VNĐ		
d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>31/12/2011(VNĐ)</u>	<u>31/12/2010(VNĐ)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lợi nhuận năm trước chuyển sang	578.610.697	906.258.784
Lợi nhuận sau thuế TNDN	830.076.904	1.222.102.697
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	637.410.500	1.549.750.784
Phân phối lợi nhuận năm trước	569.410.500	906.258.784
* Tạm ứng cổ tức trong năm	386.095.200	643.492.000
* Quỹ khen thưởng, phúc lợi	122.210.200	187.650.968
* Quỹ khen thưởng ban điều hành	61.105.100	75.115.816
Phân phối lợi nhuận năm nay		643.492.000
* Tạm trích quỹ KTPL	68.000.000	643.492.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>771.277.101</u>	<u>578.610.697</u>
15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Quý 4/ 2011(VNĐ)</u>	<u>Quý 4/2010 (VNĐ)</u>
Doanh thu In ấn	10.355.379.961	4.982.366.084
16. Giá vốn hàng bán	<u>Quý 4/ 2011(VNĐ)</u>	<u>Quý 4/2010 (VNĐ)</u>
Giá vốn In ấn	9.810.798.548	4.312.132.004
17. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Quý 4/ 2011(VNĐ)</u>	<u>Quý 4/2010 (VNĐ)</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	304.573.410	5.971.797
18. Chi phí hoạt động tài chính	<u>Quý 4/ 2011(VNĐ)</u>	<u>Quý 4/2010 (VNĐ)</u>
Lãi tiền vay	0	0
19. Thu nhập khác	<u>Quý 4/ 2011(VNĐ)</u>	<u>Quý 4/2010 (VNĐ)</u>
Thu giấy tiết kiệm trong gia công	39.801.092	2.560.000
20. Chi phí khác	<u>Quý 4/ 2011(VNĐ)</u>	<u>Quý 4/2010 (VNĐ)</u>
Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành		14.100.000
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ	<u>Quý 4/2011(VNĐ)</u>	<u>Quý 4/2010 (VNĐ)</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.774.124	105.627.245
- Hoạt động kinh doanh chính	-261.799.286	99.655.448
- Hoạt động khác	304.573.410	5.971.797
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	7.390.500	17.156.500
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	7.390.500	17.156.500
+ Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành		14.100.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	7.390.500	3.056.500
Điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	50.164.624	122.783.745
- Hoạt động kinh doanh chính	-254.408.786	116.811.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động khác	304.573.410	5.971.797
Thuế TNDN	12.541.156	30.695.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	3.762.347	15.347.968
- Ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp		15.347.968
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.778.809	15.347.968
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>33.995.315</u>	<u>90.279.277</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>Quý 4/2011(VND)</u>	<u>Quý 4/2010 (VND)</u>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.995.315	90.279.277
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
+ Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	33.995.315	90.279.277
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	26,41	70,15

23. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 29/04/2011 đã quyết định cổ tức từ lợi nhuận năm 2010 là 8%/vốn điều lệ. Theo đó Công ty đã tiếp tục chia cổ tức còn lại của năm 2010 là 3%/vốn điều lệ tương ứng số tiền 386.095.200đồng.

24. Các bên liên quan

a. Trong năm, Công ty có những giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP.HCM	Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	34.329.191.413
Cty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	2.350.618.154
Cty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	49.618.917
Cty CP Sách và Thiết bị GD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	352.252.002
Cty CP Sách và Thiết bị GD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	3.786.200
Công ty CP Học Liệu Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	65.118.192
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD HN	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	408.080.000
Cộng			<u>37.558.664.878</u>

b. Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu
			VND
Nhà Xuất bản GD tại TP.HCM	Công ty đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	4.237.988.894
Cty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	278.834.498
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD HN	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	204.780.000
Cộng			<u>4.721.603.392</u>

25. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

26. Số liệu so sánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Giám đốc

Kế toán trưởng

Dương Quốc Thy

Nguyễn Thị Thảo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : / CV – SAP
V/v Giải trình kết quả kinh doanh quý 4 năm 2011

Tp.HCM, ngày tháng 01 năm 2012

Kính gửi : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Theo báo cáo tài chính quý 4 năm 2011 của Công ty in Sách giáo khoa Tp.HCM gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội lợi nhuận quý 4/2011 giảm so với lợi nhuận quý 4 năm 2010. Công ty xin giải trình như sau:

Trong quý 4 năm 2011 doanh thu đạt 207,8 % so cùng kỳ . Do quý này thay đổi phương thức từ in bán sản phẩm sách giáo khoa sang in gia công nên doanh thu sản xuất chỉ đạt 35% và nhượng bán giấy in đạt 172,8 %, ngoài ra chi phí tăng như mực in, keo dán , điện, xăng dầu, vận chuyển tăng làm chi phí sản xuất tăng nên quý 4 năm 2011 lãi chỉ đạt 40% so cùng kỳ song lợi nhuận sau thuế tăng 17% so với cùng kỳ do được giảm 30% thuế TNDN. Lợi nhuận cả năm 2011 chỉ đạt 67,9 % so với cùng kỳ và đạt 61,5% kế hoạch cả năm 2011 trong khi doanh thu đạt 109% kế hoạch cả năm 2011 trong đó doanh thu sản xuất chỉ đạt 82,3% và nhượng bán giấy in 26,7 % .

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty
- Lưu HC;

Giám đốc

Dương Quốc Thy